

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 07-11-2019

V/v: “Tranh chấp HĐ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hòa.

2. Ông Dương Xuân Đính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm sơ thẩm thụ lý số 43/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐST ngày 14/10/2019; Giữa:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

(sau đây gọi tắt là Ngân hàng K)

Địa chỉ trụ sở: phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N – Giám đốc xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh Nh – Cán bộ xử lý nợ.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:**

Bà Vương Thị T, sinh năm 1963.

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960 (Đã chết ngày 19/7/2015).

Hộ khẩu thường trú: xã M, huyện Đ, Thành phố H.

Bà T xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990.

- Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: xã M, huyện Đ, Thành phố H.

- **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: quận H, Thành phố H.

- **Chị Nguyễn Thị C**, sinh năm 1984.

Hiện đang chấp hành án tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- **Cháu Nguyễn Văn K** (con anh B, chị M).

- **Cháu Nguyễn Văn Th** (con anh B, chị M).

- **Cháu Vương Thị Trà M** (con chị C).

- **Cháu Vương Thị N** (con chị C).

Người đại diện hợp pháp cho cháu K và cháu Th là anh B, chị M.

Người đại diện hợp pháp cho cháu M và cháu N là bà T.

Chị H, chị C xin vắng mặt tại phiên tòa.

Anh B, chị M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 18/7/2011, ông Nguyễn Văn B, bà Vương Thị T và Ngân hàng K đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB cùng Khế ước nhận nợ số 48226 ngày 18/7/2011 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn). Theo đó, ngày 18/7/2011, ông Nguyễn Văn B và bà Vương Thị T đã nhận giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Mua nhà.

- Thời hạn vay: 180 tháng.

- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 18/7/2026.

- Lãi suất vay: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 23%/năm; Thời gian tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần vào các ngày làm việc đầu quý và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của Ngân hàng K tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Ngân hàng K quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ: xã M, huyện Đ, Thành phố H - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 502701, Sổ vào sổ cấp GCN: CH.00306.2011/2385.QĐ-UBND.2011 do UBND huyện Đông Anh, TP. Hà Nội cấp ngày 05/7/2011 cho ông Nguyễn Văn B.

Tài sản bảo đảm này được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký đất và nhà – UBND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Hiện nay, ông Nguyễn Văn B đã chết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vương Thị T đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín

dụng, khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã gửi nhiều Thông báo, Công văn yêu cầu bà Vương Thị T trả nợ hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định, nhưng bà T không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tính đến ngày 11/6/2014 bà Vương Thị T đã trả được số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng K là: 393.298.635 đồng, trong đó bao gồm: 88.888.000 đồng nợ gốc và 304.410.635 đồng nợ lãi.

Dư nợ tạm tính của bà Vương Thị T đến ngày 10/5/2019 như sau:

- Nợ gốc: 1.911.112.000 đồng.
- Nợ lãi: 4.012.472.706 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 1.617.644.398 đồng, nợ lãi quá hạn là: 802.367.069 đồng, lãi phạt là: 1.592.461.239 đồng.
- Tổng nợ là: 5.923.584.706 đồng.

* Yêu cầu của Ngân hàng K:

1. Buộc bà Vương Thị T thanh toán cho Ngân hàng K số tiền: 5.923.584.706 đồng, bao gồm 1.911.112.000 đồng nợ gốc và 4.012.472.706 đồng nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 10/5/2019) và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 18/7/2011 kể từ ngày 11/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Buộc bà Vương Thị T thanh toán cho Ngân hàng K tiền phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền là $2\% \times 2.000.000.000$ đồng = 40.000.000 đồng theo quy định tại Điều 13.4.1 của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 18/7/2011.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Vương Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án hoặc Văn phòng thừa phát lại tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ: xã M, huyện Đ, Thành phố H - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 502701, Sổ vào sổ cấp GCN: CH.00306.2011/2385.QĐ-UBND.2011 do UBND huyện Đông Anh, TP. Hà Nội cấp ngày 05/7/2011 cho ông Nguyễn Văn B.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Vương Thị T đối với Ngân hàng K. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Vương Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng K.

*** Bị đơn - Bà Vương Thị T trình bày:**

Ngày 18/7/2011 bà và chồng là ông Nguyễn Văn B đã ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng K với nội dung:

- Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Mua nhà.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông bà đã đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31 tờ bản đồ số 15 diện tích 238m² tại xã M, huyện Đ, Thành phố H, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn B cho Ngân hàng K.

Ông bà đã trả cho Ngân hàng K một phần tiền gốc và lãi.

Hiện nay ông bà còn nợ Ngân hàng K đúng như Ngân hàng đã trình bày.

Ông Nguyễn Văn B đã chết từ năm 2015. Bà và ông Nguyễn Văn B sinh được 3 người con là Nguyễn Thị C - Sinh năm 1984 - Hiện nay đang chấp hành án tù chung thân tại trại giam số 6 tỉnh Nghệ An; Nguyễn Thị H - Sinh năm 1988 - Hiện ở tại: Phường Q, quận H, Thành phố H; Nguyễn Văn B - Sinh năm 1990; Hiện vẫn đang sinh sống tại xã M, huyện Đ, Thành phố H. Ngoài ra ông bà không có người con nào khác.

Hiện nay những người thường xuyên sinh sống trên nhà đất thế chấp gồm có: bà Vương Thị T; Anh Nguyễn Văn B (con trai bà T); Chị Đỗ Thị M (vợ anh B; Cháu Nguyễn Văn K (con anh B, chị M); Cháu Nguyễn Văn T (con anh B, chị M); Cháu Vương Thị Trà M (con chị C); Cháu Vương Thị N (con chị C). Ngoài ra không có ai khác sinh sống trên đất.

Nay Ngân hàng K yêu cầu bà phải thanh toán cả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 5.621.827.839 đồng tính đến ngày 11/12/2018, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà trả dần vì điều kiện hoàn cảnh gia đình của bà hiện nay đang rất khó khăn.

Nguồn gốc nhà đất trên là của bố mẹ ông B để lại và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn B. Hiện nay bố mẹ đẻ ông Nguyễn Văn B đều đã chết, cụ ông Nguyễn Văn Tr đã chết ngày 17/7/2012, cụ bà Hoàng Thị Ng đã chết ngày 06/01/2011.

Do điều kiện sức khỏe nên bà không trực tiếp đến Tòa án làm việc được, bà xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Văn B trình bày:***

Anh là con ruột thứ ba của ông Nguyễn Văn B, bà Vương Thị T. Việc vay nợ của bố mẹ anh với Ngân hàng K anh hoàn toàn không biết, do thời gian đó anh còn ít tuổi và bận đi học.

Bố anh là ông Nguyễn Văn B đã chết năm 2015. Bố mẹ anh sinh được 3 người con đúng như mẹ anh đã trình bày.

Nay Ngân hàng K khởi kiện đòi khoản nợ của bố mẹ anh tại Ngân hàng, do hoàn cảnh gia đình anh hiện nay đang rất khó khăn, bố đã chết, mẹ già yếu, bệnh tật, không có khả năng lao động, vì vậy anh đề nghị Ngân hàng giảm toàn bộ khoản tiền nợ lãi và lãi phạt cho bố mẹ anh. Đề nghị Tòa án và Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình anh có thời gian thu xếp trả khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Đỗ Thị M trình bày:***

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B năm 2012, việc vay nợ giữa bố mẹ chị và Ngân hàng K chị không biết. Hiện nay vợ chồng chị và các con anh chị vẫn thường xuyên sinh sống tại thửa đất số 31 tờ bản đồ số 15 xã M, huyện Đ, Thành phố H.

Ngoài ra mẹ chồng chị là bà Vương Thị T cùng 2 con của chị chồng chị là cháu Vương Thị Trà M - Sinh năm 2005 và Vương Thị N - Sinh năm 2009 cũng

đang thường xuyên sinh sống tại nhà đất trên. Bố chồng chị là ông Nguyễn Văn B đã chết năm 2015.

Nay Ngân hàng K khởi kiện đòi khoản nợ của bố mẹ chị tại Ngân hàng. Chị đề nghị Ngân hàng miễn giảm toàn bộ lãi suất, lãi phạt cho bố mẹ chị, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình chị đang rất khó khăn, không có điều kiện để trả nợ.

Đề nghị Ngân hàng K và Tòa án tạo điều kiện cho gia đình chị có thời gian để thu xếp trả khoản tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Ngày 18/7/2011 bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn B và bà Vương Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng K để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, với mục đích để mua nhà. Hiện tại bố mẹ chị còn nợ Ngân hàng cụ thể bao nhiêu tiền chị không nắm được.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bố mẹ chị đã đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31 tờ bản đồ số 15 diện tích 238m² tại xã M, huyện Đ, Thành phố H, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố chị là ông Nguyễn Văn B.

Ông Nguyễn Văn B đã chết năm 2015. Bố mẹ sinh được ba người con đúng như mẹ chị đã trình bày.

Nguồn gốc thửa đất của bố chị là do ông bà để lại cho bố chị và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố chị.

Nay Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu bố mẹ tôi phải thanh toán số nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, nếu không thanh toán được sẽ phải phát mại tài sản thế chấp. Tôi đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số nợ lãi, mà cho bố mẹ chỉ trả tiền nợ gốc, vì hoàn cảnh gia đình chị hiện nay đang rất khó khăn.

Trên thửa đất trên chị không có đóng góp gì. Về quyền hưởng di sản thừa kế chị đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định, chị không có ý kiến gì khác.

Do điều kiện công việc rất bận nên chị không trực tiếp đến Tòa án làm việc được, chị xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Nguyễn Thị C trình bày bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Trại giam số 6 - tỉnh Nghệ An:***

Chị là con gái của ông Nguyễn Văn B và bà Vương Thị T.

Ngày 18/7/2011 bố mẹ chị là Nguyễn Văn B và Vương Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng K để vay số tiền 2 tỷ đồng, mục đích vay là để mua nhà. Hiện tại bố mẹ chị còn nợ Ngân hàng K cụ thể bao nhiêu tiền cả gốc và lãi chị không nắm được.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bố mẹ chị đã đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 diện tích 238m² tại xã M, huyện Đ, Thành phố H, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/7/2011 mang tên ông Nguyễn Văn B.

Ông Nguyễn Văn B đã chết năm 2015. Bố mẹ chị sinh được 3 người con đúng như mẹ chị đã trình bày.

Nguồn gốc thửa đất của bố chị là do ông cha để lại cho bố chị và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố chị.

Nay Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu bố mẹ chị phải thanh toán số nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, nếu không thanh toán được sẽ phát mại tài sản thế chấp thì chị không có ý kiến gì, chị đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số nợ lãi mà chỉ trả số tiền gốc, do hoàn cảnh của gia đình chị đang rất khó khăn, chị thì đang phải chấp hành án tù chung thân tại Trại giam số 6, còn mẹ chị thì đau ốm, hai em thì chưa có việc làm ổn định. Trường hợp phải phát mại tài sản thế chấp thì đề nghị Ngân hàng ưu tiên bán cho bố mẹ chị, nếu bố mẹ chị không đủ khả năng mua thì đề nghị Ngân hàng tính thửa đất theo giá trị thị trường.

Chị không có đóng góp công sức gì trong thửa đất và tài sản trên đất bố mẹ chị đã thế chấp cho Ngân hàng. Tài sản chị được thừa kế trong thửa đất và tài sản trên đất của bố mẹ chị đã thế chấp cho Ngân hàng thì chị nhất trí để trả cho Ngân hàng nếu mẹ chị không trả được nợ. Ngoài ra chị không có ý kiến gì khác.

Do hiện nay chị đang chấp hành án tại Trại giam số 6 nên chị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tạm tính đến ngày **07/11/2019** tổng dư nợ của bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn B tại Ngân hàng K như sau: **Nợ gốc: 1.911.112.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.688.579.009 đồng; Nợ lãi quá hạn: 915.282.777 đồng. Tổng cộng: 4.514.973.786 đồng.**

Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi phạt là **1.592.461.239 đồng** và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là **40.000.000 đồng**.

Yêu cầu và Vương Thị T và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn B phải trả nợ cho Ngân hàng K toàn bộ số tiền còn nợ cụ thể: **Nợ gốc: 1.911.112.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.688.579.009 đồng; Nợ lãi quá hạn: 915.282.777 đồng. Tổng cộng: 4.514.973.786 đồng.**

Về việc điều chỉnh lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng theo định kỳ Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận.

Trong trường hợp bà Vương Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B không trả được nợ, Ngân hàng K được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ: xã M, huyện Đ, Thành phố H - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 502701, Sổ vào sổ cấp GCN: CH.00306.2011/2385.QĐ-UBND.2011 do UBND huyện Đông Anh, TP. Hà Nội cấp ngày 05/7/2011 cho ông Nguyễn Văn B.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng K thì bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B phải tiếp tục trả nốt số tiền còn thiếu.

+ Bà Vương Thị T, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Anh Nguyễn Văn B, chị Đỗ Thị M đã được Tòa án tổng đạt Hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh B, chị M vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án:

Thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng qui định của pháp luật.

Bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ được thực hiện theo đúng qui định của pháp luật.

Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử còn chậm, việc đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng thời hạn xét xử và đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo qui định của pháp luật, chuyển hồ sơ và Quyết định xét xử đến Viện kiểm sát đúng theo qui định.

Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, chưa chấp hành đúng các qui định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa cả bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là có căn cứ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đều được xác lập đúng về hình thức và nội dung theo qui định của pháp luật. Khi lập hợp đồng các bên đều có năng lực trách nhiệm, hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được các bên xác nhận là hợp pháp và có hiệu lực pháp lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn B và bà Vương Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Giữa ông B, bà T và Ngân hàng K không có thỏa thuận khác, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Trong trường hợp ông B, bà T không thanh toán được khoản nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Văn B đã chết năm 2015. Xác định các con của ông B, bà T là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông B.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự; Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/QH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định ông Nguyễn Văn B và bà Vương Thị T đã vi phạm các Hợp đồng tín dụng.

+ Buộc bà Vương Thị T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký là: **Nợ gốc: 1.911.112.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.688.579.009 đồng; Nợ lãi quá hạn: 915.282.777 đồng. Tổng cộng: 4.514.973.786 đồng.**

+ Trong trường hợp bà T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ: xã M, huyện Đ, Thành phố H - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 502701, Sổ vào sổ cấp GCN: CH.00306.2011/2385.QĐ-UBND.2011 do UBND huyện Đông Anh, TP. Hà Nội cấp ngày 05/7/2011 cho ông Nguyễn Văn B.

+ Ghi nhận sự tự nguyện rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi phạt là 1.592.461.239 đồng và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 40.000.000 đồng của Ngân hàng K.

+ Bà Vương Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng K khởi kiện đến Tòa án buộc ông Nguyễn Văn B và bà Vương Thị T có địa chỉ tại xã M, huyện Đ, Thành phố H trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết. Do đó theo qui định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự thủ tục tố tụng.

[1.2] Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn B thanh toán các khoản tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 18/7/2011 cùng Khế ước nhận nợ số 48226. Nội dung Hợp đồng tín dụng thể hiện mục đích sử dụng tiền vay là: Mua nhà. Do vậy nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” về dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Ngân hàng K là người khởi kiện, căn cứ theo khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là Nguyên đơn; Bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn B là người bị nguyên đơn khởi kiện, căn cứ theo khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là bị đơn; Ông Nguyễn Văn B đã chết ngày 19/7/2015 (Theo Giấy chứng tử số 24/2015 quyền số 01/2015 do UBND xã Đại Mạch cung cấp). Bố mẹ đẻ ông Nguyễn Văn B là cụ ông Nguyễn Văn Tr đã chết ngày 17/7/2012, cụ bà Hoàng Thị Ng đã chết ngày 06/01/2011. Căn cứ theo điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B gồm có bà Vương Thị T, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn B, đồng thời bà T, chị C, chị H, anh B là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B. Chị Đỗ Thị M, cháu Nguyễn Văn K, cháu Nguyễn Văn T, cháu Vương Thị Trà M, cháu Vương Thị N là những người thường xuyên sinh sống tại nhà đất thế chấp, căn cứ theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị C, chị H, anh B, chị M, cháu K, cháu T, cháu M, cháu N là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Bà Vương Thị T là bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu phản tố; Chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị H là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu độc lập; Anh Nguyễn Văn B, chị Đỗ Thị M là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu độc lập. Theo qui định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, chị H, chị C, anh B, chị M là hoàn toàn có cơ sở.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn là Ngân hàng K đối với bị đơn là bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn B tính đến ngày 07/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 18/7/2011 cùng Khế ước nhận nợ số 48226 ngày 18/7/2011 là: **Nợ gốc: 1.911.112.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.688.579.009 đồng; Nợ lãi quá hạn: 915.282.777 đồng. Tổng cộng: 4.514.973.786 đồng.**

Xét thấy việc ký kết các Hợp đồng tín dụng nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết. Ngân hàng K đã giải ngân cho bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn B theo Hợp đồng tín dụng được thể hiện tại Khế ước nhận nợ số 48226 ngày 18/7/2011. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các qui định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình

giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn là ông Nguyễn Văn B và bà Vương Thị T còn nợ nguyên đơn là Ngân hàng K tính đến ngày 07/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB cùng Khế ước nhận nợ số 48226 ngày 18/7/2011 là: **Nợ gốc: 1.911.112.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.688.579.009 đồng; Nợ lãi quá hạn: 915.282.777 đồng. Tổng cộng: 4.514.973.786 đồng.**

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc trên là hoàn toàn đúng qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Buộc bà T, chị C, chị H, anh B phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng K khoản nợ gốc như nêu trên.

[2.2] Về tiền lãi: Số tiền nợ lãi Ngân hàng K yêu cầu bên vay còn phải trả tính đến ngày 07/11/2019 là: **Nợ lãi trong hạn: 1.688.579.009 đồng; Nợ lãi quá hạn: 915.282.777 đồng.**

Tại Hợp đồng tín dụng số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB và Khế ước nhận nợ số 48226 qui định lãi suất cho vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 23%/năm; Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của bên vay/bên nhận nợ cho thời gian tiếp theo đối với các khoản vay bằng VND thì lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - Hội sở/Chi nhánh Hội sở tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 7%/tháng/ quý/ năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được qui định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.

Đối chiếu với sao kê tính lãi và các Quyết định về việc ban hành biểu lãi suất cho vay đối với khách hàng do Ngân hàng K cung cấp thì lãi suất trong hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ trên là phù hợp với các quy định của pháp luật. Về lãi quá hạn các bên thỏa thuận bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với qui định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng K và ông Nguyễn Văn B, bà Vương Thị T, chấp nhận yêu cầu thanh toán các khoản tiền lãi của Ngân hàng K đối với ông B, bà T. Buộc bà T, chị C, chị H, anh B phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng K số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn như đã nêu trên.

Theo nguyên đơn trình bày và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng K có điều chỉnh lãi suất cho bị đơn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng 03 tháng/1 lần trong thời hạn vay theo hợp đồng, khi khoản nợ vay đã quá hạn thì Ngân hàng vẫn tiếp tục điều chỉnh theo thỏa thuận 03 tháng/1 lần là hoàn toàn đúng qui định của pháp luật.

[2.3] Việc Ngân hàng K xin rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi phạt và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay:

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay của ông B bà T, ông Nguyễn Văn B đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại **thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15** tại xã M, huyện Đ, Thành phố H, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 502701, số vào sổ cấp GCN: CH.00306.2011/2385.QĐ-UBND.2011 do UBND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/7/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn B. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số công chứng 3485.2011/HĐTC-TCB ngày 13/7/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, Thành phố Hà Nội. Tại điểm d khoản 6.2.1 Điều 6 của Hợp đồng thế chấp bên thế chấp đã cam kết và bảo đảm “Mọi diện tích, công trình xây dựng, coi nói thêm gắn liền với tài sản thế chấp ... đều thuộc về tài sản thế chấp theo Hợp đồng này”. Do vậy Hội đồng xét xử xác định toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất trên đều thuộc về tài sản thế chấp.

Theo tài liệu cung cấp của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đông Anh xác nhận thửa đất hiện nay vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng K. Mọi thủ tục đăng ký biến động đối với thửa đất đều được thực hiện theo đúng trình tự quy định. Quá trình đăng ký biến động không có đơn thư khiếu nại.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi dân sự, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, các bên đã làm thủ tục đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phòng Tài nguyên môi trường huyện Đông Anh - Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đông Anh theo đúng trình tự thủ tục quy định. Vì vậy Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa các bên đều hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Trong trường hợp bên vay không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn B để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng K là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 502701, số vào sổ cấp GCN: CH.00306.2011/2385.QĐ-UBND.2011 do UBND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/7/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn B.

[2.5] Qua xem xét thẩm định tại chỗ hiện nay **thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15** tại xã M, huyện Đ, Thành phố H đứng tên ông Nguyễn Văn B vẫn nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp, không có thay đổi gì. Tuy nhiên qua đo đạc thực tế hiện trạng của thửa đất thì hiện nay thửa đất có diện tích là 243,2m², Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số BG 502701 thì thửa đất có diện tích là 238m². Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn xác nhận tại thời điểm hiện nay thửa đất vẫn nguyên trạng như tại thời điểm thế chấp. Việc các bên ký Hợp đồng thế chấp đã được thực hiện đúng theo qui định của pháp luật, vì vậy Ngân hàng K vẫn xác định xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng sẽ có yêu cầu cụ thể sau đối với Cơ quan Thi hành án. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của Ngân hàng K là phù hợp và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa hoàn toàn có căn cứ và phù hợp các qui định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Vương Thị T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 302; 305; 342; 343; 344; 348; 349; 350; 351; 355; 474; 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ các 651; 688; 689 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1.4 Điều 1 mục II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn B.

Buộc bà Vương Thị T và chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn B là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng K số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 48226 HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 18/7/2011 cùng khế ước nhận nợ số 48226 ngày 18/7/2011, tạm tính đến ngày 07/11/2019 là: **Nợ gốc:**

1.911.112.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.688.579.009 đồng; Nợ lãi quá hạn: 915.282.777 đồng. Tổng cộng: 4.514.973.786 đồng.

2. Kể từ ngày 08/11/2019, hàng tháng bà Vương Thị T và chị C, chị H, anh B còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận ký trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ với Ngân hàng K cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Trong trường hợp bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại xã M, huyện Đ, Thành phố H - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 502701, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH.00306.2011/2385.QĐ-UBND.2011 do UBND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/7/2011 cho ông Nguyễn Văn B. Xác nhận thế chấp tại Ngân hàng K theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 3485.2011/HĐTC-TCB ngày 13/7/2011 ký tại Văn phòng công chứng T.

4. Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng K thì bà T và chị C, chị H, anh B phải có trách nhiệm trả nốt số tiền còn lại cho Ngân hàng K.

5. Những người hiện đang sinh sống thường xuyên trên thửa đất nêu trên có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất trên cho Ngân hàng K trong trường hợp phát mại xử lý tài sản thế chấp.

6. Về án phí:

+ Bà Vương Thị T, chị Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn B phải chịu **112.514.974 đồng** (Một trăm mười hai triệu, năm trăm mười bốn nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Ngân hàng K được nhận lại số tiền **56.811.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008243 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

7. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán, thì bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Ngân hàng K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà T, chị C, chị H, anh B, chị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Đông Anh
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

